

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, vận hành Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*
- Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;*
- Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*
- Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*
- Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*
- Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;*
- Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*
- Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*
- Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;*
- Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*
- Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;*

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1530/TTr-STTTT ngày 31 tháng 7 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý, vận hành Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đối tượng áp dụng

a) Các Sở, Ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là cơ quan thực hiện thủ tục hành chính); các tổ chức, cá nhân liên quan sử dụng các dịch vụ công trực tuyến tỉnh Ninh Thuận.

b) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tham gia thực hiện quy trình thu, nộp phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác phục vụ cho việc thực hiện thủ tục hành chính theo quy định.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Các cơ quan thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm tự kiểm tra, rà soát tính đầy đủ, chính xác của các thủ tục hành chính và đăng tải toàn bộ thông tin về các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết sau khi Quyết định công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung của cấp có thẩm quyền được ban hành, đồng thời xác lập tình trạng bãi bỏ đối với các thủ tục hành chính đã hết hiệu lực trên hệ thống một cửa điện tử của tỉnh (chậm nhất trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố); đồng thời phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ về kỹ thuật cho việc đăng tải lên hệ thống một cửa điện tử của tỉnh và tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định.”

3. Sửa đổi tiêu đề khoản 1 và điểm c khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Đối với hồ sơ được nhận trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa phải kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, quét (scan) và cập nhật lên hệ thống một cửa điện tử (trừ các thành phần hồ sơ liên quan không thể quét (scan) được). Các tài liệu của hồ sơ được quét (scan) ở chế độ màu, với định dạng file Portable Document Format (.pdf), phiên bản 1.4 trở lên, độ phân giải 200 dpi và tỷ lệ quét (scan) 100%.



c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ, lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 01 tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh và chuyển cho các phòng chuyên môn xử lý theo quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của mỗi đơn vị.

Trường hợp đến ngày trả kết quả mà chưa có kết quả giải quyết (để trả) thì phải chủ động liên hệ với phòng chuyên môn xử lý hồ sơ để biết kết quả xử lý; điện thoại cho người nộp hồ sơ biết, xin lỗi về việc trễ hạn và thông báo lại ngày trả kết quả đồng thời lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả theo Mẫu số 04 tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Riêng đối với hồ sơ về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết ở cấp huyện, sau khi tiếp nhận, Bộ phận một cửa cấp huyện xác định thứ tự và chuyển hồ sơ đến đơn vị có thẩm quyền chủ trì giải quyết. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm xử lý, chuyển hồ sơ và kết quả giải quyết thuộc thẩm quyền (nếu có) đến đơn vị có thẩm quyền tiếp theo theo đúng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai đối với cấp huyện, trong đó ghi rõ từng nội dung công việc, thời hạn giải quyết của từng đơn vị. Sau khi hồ sơ được cấp có thẩm quyền cuối cùng giải quyết xong thì chuyển kết quả và hồ sơ kèm theo cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho Bộ phận Một cửa cấp huyện để trả kết quả cho hộ gia đình, cá nhân. Toàn bộ quá trình tiếp nhận, cập nhật thông tin xử lý, thông tin chuyển xử lý, kết quả xử lý hồ sơ được thực hiện trên Hệ thống một cửa điện tử chung của tỉnh.”

4. Sửa đổi tiêu đề khoản 2 và điểm b khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Đối với hồ sơ được nộp trực tuyến thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ.

b) Nếu hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầy đủ, hợp lệ thì cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa tiếp nhận và chuyển cho phòng chuyên môn xử lý theo quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của mỗi đơn vị.

Riêng đối với hồ sơ về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết ở cấp huyện, sau khi tiếp nhận, Bộ phận một cửa cấp huyện chuyển xử lý hồ sơ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.”

5. Bổ sung vào cuối điểm b khoản 2 Điều 11 như sau:

“Kết quả dưới dạng điện tử của dịch vụ công trực tuyến có giá trị pháp lý như đối với kết quả truyền thống theo quy định.”

6. Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11 như sau:

“Điều 11a. Thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính qua Cổng dịch vụ công

h₂

1. Tổ chức, cá nhân nộp phí, lệ phí, thuế và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trong giải quyết thủ tục hành chính thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật.

Tổ chức, cá nhân sau khi hoàn thành việc nộp hồ sơ trực tuyến, Bộ phận Một cửa sẽ gửi thông báo nộp phí, lệ phí, thuế và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) vào tài khoản email của tổ chức, cá nhân. Việc thanh toán trực tuyến được thực hiện thông qua đường link gửi trong email hoặc chức năng “THANH TOÁN” trên Cổng dịch vụ công; cập nhật đầy đủ thông tin về thanh toán trên form (tên ngân hàng thanh toán, số thẻ, ngày phát hành thẻ, tên chủ thẻ) hoặc có thể chọn thanh toán qua ứng dụng mobile banking và xác thực để hoàn thành việc thanh toán trực tuyến. Ngoài ra, tổ chức, cá nhân có thể sử dụng các dịch vụ thanh toán khác như ví điện tử, mobile money...

2. Thời điểm, mức nộp phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) thực hiện theo Luật Phí, lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Chứng từ nộp ngân sách nhà nước có chữ ký số của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và thông tin đã trích nộp vào ngân sách Nhà nước thành công được gửi cho người nộp ngân sách Nhà nước, cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính và các cơ quan, tổ chức liên quan (nếu có) để thực hiện các bước tiếp theo trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

4. Chứng từ được sử dụng để trao đổi thông tin giữa các cơ quan, đơn vị giải quyết thủ tục hành chính, người nộp nghĩa vụ tài chính và các ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện theo quy định pháp luật về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

5. Phí dịch vụ thanh toán trực tuyến thực hiện theo quy định của các ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Trách nhiệm của các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính khi thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công:

a) Tích hợp, đồng bộ thông tin, dữ liệu liên quan yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính trong giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức với Cổng dịch vụ công theo phạm vi quản lý giải quyết thủ tục hành chính;

b) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, ngân hàng hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện kết nối, tích hợp, triển khai dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; thực hiện đối soát hàng ngày đảm bảo khớp, đúng dữ liệu giữa các bên, trường hợp có chênh lệch thì các bên tìm hiểu nguyên nhân và phối hợp xử lý;

c) Công khai về nhân sự của cơ quan, đơn vị mình làm đầu mối phối hợp thực hiện với ngân hàng, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên Cổng dịch vụ công làm cơ sở phối hợp thực hiện

nghiệp vụ thanh quyết toán, giải quyết tra soát, khiếu nại; gửi văn bản cử nhân sự làm đầu mối của cơ quan, đơn vị mình về Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, các ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có liên quan để cùng phối hợp trong quá trình thực hiện quy chế này;

d) Thường xuyên rà soát, kiểm tra, kịp thời phát hiện và khắc phục hoặc đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông, các ngân hàng và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có liên quan khắc phục những sự cố trong quá trình quản lý, vận hành hệ thống thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công;

đ) Bảo đảm chất lượng dịch vụ thanh toán trực tuyến và việc bảo mật thông tin trong quá trình thực hiện theo quy định pháp luật.

7. Các ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 13 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

“Điều 14. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc triển khai, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Quy chế này và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc công bố và công khai các thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử các cơ quan.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả các hoạt động liên quan đến việc cung cấp, vận hành sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị theo định kỳ 6 tháng và hàng năm; các biện pháp bảo đảm hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017.”

8. Sửa đổi khoản 1 và bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 15 như sau:

“1. Chịu trách nhiệm quản lý chung Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, phối hợp với các cơ quan liên quan đảm bảo đường truyền kết nối thông suốt phục vụ tốt việc vận hành Cổng dịch vụ công trực tuyến; đầu mối quản trị Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo thẩm quyền của tỉnh; kết nối, tích hợp, đồng bộ hồ sơ và trạng thái xử lý hồ sơ trên Cổng dịch vụ công tỉnh lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

6. Làm đầu mối triển khai thực hiện chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh đảm bảo kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo đúng quy định.”

9. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 18 như sau:

“4. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản, nộp hồ sơ trực tuyến và thanh toán trực tuyến các khoản phí, lệ phí... qua Cổng dịch vụ công


trực tuyến tỉnh Ninh Thuận.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thực hiện theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 21/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy chế quản lý, vận hành Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Ninh Thuận.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TTPVHCC. ĐDM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Bình